

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 255 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 30 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường
từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 3704/STNMT-CCBVMT ngày 15/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629 đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1127/UBND ngày 28/12/2022 của UBND huyện Hoài Ân;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 63/TTr-STNMT ngày 17/01/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629 (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Hoài Ân (sau đây gọi là Chủ đầu tư) thực hiện tại xã Ân Thạnh và xã Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Hoài Ân;
- UBND xã Ân Thạnh;
- UBND xã Ân Tín;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA
DỰ ÁN ĐẦU TƯ NÂNG CẤP MỞ RỘNG TUYẾN ĐƯỜNG TỪ CẦU
PHONG THẠNH ĐẾN ĐƯỜNG ĐT.629
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đầu tư nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Phong Thạnh đến đường ĐT.629.

- Địa điểm thực hiện: xã Ân Tín và xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: UBND huyện Hoài Ân.

1.2. Phạm vi, quy mô.

- Phạm vi:

+ Điểm đầu: nút giao thông ký trình Km1+290 (tuyến đường từ ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn qua cầu Phú Vãn) thuộc xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân.

+ Điểm cuối: Giáp với đường đầu cầu Mỹ Thành thuộc xã Ân Tín, huyện Hoài Ân.

- Quy mô: Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường với chiều dài 6.044,6 m, kết cấu bê tông nhựa, bề rộng nền đường 9,0 m.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường với chiều dài 6.044,6 m, kết cấu bê tông nhựa, bề rộng nền đường 9,0 m.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: hệ thống thoát nước ngang và thoát nước dọc, công trình an toàn giao thông.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công: bố trí 01 công trường thi công xây dựng tại bãi chứa nguyên vật liệu, lán trại với diện tích 1000 m², 01 trạm trộn bê tông xi măng công suất 30 m³/h, nhà vệ sinh di động, thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 3.825,25 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thừa phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy

trần, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát lũ khu vực phía Đông và phía Tây dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,08 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với khoảng 1,6 m³/ngày, nước thải từ trạm trộn bê tông xi măng phát sinh khoảng 6,3 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, giải phóng mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 1,9 tấn. Thành phần chủ yếu là thực bì,...

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu khoảng 100 m³ bao gồm hàng rào, cổng sắt. Thành phần chủ yếu là xà bần, sắt, thép.

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 91,03 kg trong suốt quá trình thi công.

- Đất đào nền đường và bóc phong hóa hữu cơ phạm vi nền đường phát sinh với khối lượng khoảng 4.885,08 m³. Thành phần chủ yếu là đất, bùn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 20,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải phải kiểm soát, chất thải nguy hại

- Chất thải phải kiểm soát từ hoạt động thi công xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng 10 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại,...

- Chất thải nguy hại từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các

phương tiện thi công phát sinh với khối lượng khoảng 42 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, các loại dầu mỡ thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác không liên quan đến chất thải: tác động từ quá trình chiếm dụng đất; hoạt động thi công gây nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, nguy cơ ngập úng cục bộ, mất an toàn giao thông,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước thải từ trạm trộn bê tông xi măng: bố trí 01 hồ lắng 02 ngăn có thể tích là 30 m³ tại khu vực phía Đông của trạm trộn để thu gom toàn bộ lượng nước thải này, lắng đọng và tuần hoàn tái sử dụng để tưới đường.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công; thường xuyên kiểm tra, nạo vét khơi thông dòng chảy tại các rãnh thoát nước, thu dọn vật liệu xây dựng rơi vãi.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm bụi tại các khu vực thi công, tuyến đường vận chuyển đoạn qua khu dân cư và trên tuyến đường ĐT.630 với tần suất 02 lần/ngày.

- Đối với phương tiện vận chuyển: vận chuyển đúng tải trọng cho phép, phủ bạt kín không để rơi vãi đất, cát ra đường.

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu sử dụng bạt che chắn xung quanh đảm bảo không phát tán bụi ra môi trường.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Khối lượng đất đào nền đường khoảng 3.826,08 m³ được tận dụng đắp

vào những khu vực trũng thấp trên tuyến đường, phần còn lại khoảng 1.059 m³ là đất bóc hữu cơ không tận dụng sẽ được vận chuyển đến bãi thải tại khu vực Gò Thô (diện tích khoảng 0,4 ha) - Gò Giông (diện tích khoảng 0,1 ha) thuộc thôn An Thường 1, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ các công trình hiện hữu được tận dụng san nền tạo mặt bằng bãi chứa vật liệu, lán trại.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát theo đúng quy định hiện hành.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân chịu tác động do hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thi công hoàn thành các hạng thoát nước trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để gây ngập úng.

- Đảm bảo an toàn giao thông: lắp đặt các biển báo hiệu an toàn giao thông đúng quy định.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ đầu tư

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí quan trắc:

- + Điểm đầu tuyến công trình tại Km0 (tọa độ: 1.590.434; 577.236).

- + Tại Km1+395,46 (tọa độ: 1.591.187; 576.426).

- + Tại Km2+715,6 (tọa độ: 1.592.611; 576.641).

- + Tại Km4+428,81 (tọa độ: 1.593.986; 576.416).

- + Điểm cuối tuyến công trình tại Km6+57,41 (tọa độ: 1.594.793; 575.099).

- + Tại khu vực lắp đặt trạm trộn bê tông xi măng (tọa độ: 1.592.260; 576.414).

- Thông số quan trắc: bụi, ồn.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: lượng phát sinh, loại phát sinh, tần suất thu gom và lưu giữ.

5.3. Thường xuyên giám sát sự cố ngập lụt, sa bồi xuống hệ thống cống, mương thoát nước.